

## CÁC DẤU $=, >, <$

(2 tiết – SGK trang 36)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết, đọc và viết các dấu  $=, >, <$
- Sử dụng được các dấu  $<, =, >$  để so sánh các số trong phạm vi 5.

2. **Năng lực chú trọng:** tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. **Tích hợp:** Toán học và cuộc sống, an toàn giao thông, Tự nhiên và Xã hội.

## B. Thiết bị dạy học

GV: Bộ thẻ chữ số và 4 thẻ dấu

Hình vẽ cho phần Thủ thách

5 khói hộp chữ nhật, 5 khói lập phương (phần cứng cỗ).

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞI ĐỘNG

GV có thể dùng trò chơi HỎI NHANH ĐÁP GỌN.

– Đề so sánh hai số, em dựa vào đâu? (trong dãy số 1, 2, 3, 4, 5 **số sau lớn hơn số trước**, ...)

– So sánh: 4 và 5 (4 bé hơn 5)

3 và 1 (3 lớn hơn 1)

2 và 2 (2 bằng 2)

...

### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. Giới thiệu dấu =

GV có thể thực hiện như sau: GV cho HS quan sát hình vẽ bên trái và yêu cầu:

“Các em hãy so sánh số đĩa và số tách” (mỗi tách đều có đĩa lót bên dưới, số đĩa và số tách bằng nhau).

“Các em tiếp tục so sánh số hình vuông và số hình tròn” (1 hình vuông nối với 1 hình tròn, số hình vuông bằng số hình tròn).

Có mấy hình vuông? (3) - GV viết 3 lên bảng lớp

Có mấy hình tròn? (3) - GV viết 3 lên bảng lớp

GV chỉ vào cặp số vừa viết trên bảng lớp (3 3) và yêu cầu: “Các em hãy so sánh 3 và 3” (ba bằng ba)

Để viết 3 **bằng** 3, ta dùng dấu =. GV viết dấu = vào giữa hai số: (3 = 3)

GV đọc: ba **bằng** ba. HS đọc ba **bằng** ba.

GV viết trên bảng lớp (hoặc đưa bảng con) một vài trường hợp, HS đọc:

$$2 = 2; \quad 4 = 4; \quad 1 = 1$$

#### 2. Giới thiệu dấu >, <

##### – Dấu >

Thực hiện tương tự như giới thiệu dấu =

“Các em hãy so sánh số đĩa và số tách” (3 tách có đĩa lót bên dưới, 1 tách không có đĩa lót bên dưới. Vậy số tách nhiều hơn số đĩa).

“Các em tiếp tục so sánh số hình vuông và số hình tròn” (1 hình vuông nối với 1 hình tròn, số hình vuông nhiều hơn số hình tròn).

- GV chỉ vào cặp số (đã viết sẵn trên bảng lớp 4 – 3):
 

Hãy so sánh 4 và 3 (HS **đồng thanh**: 4 **lớn hơn** 3).

Để viết 4 **lớn hơn** 3, ta dùng **dấu lớn hơn** (GV viết vào giữa hai số: 4 > 3).

HS **đọc**: 4 **lớn hơn** 3.
- HS **đọc** một vài trường hợp

$$4 > 2; \quad 5 > 3; \quad 3 > 1.$$

#### – Dấu <

Thực hiện tương tự như trên.

#### – Thực hành sử dụng dấu <, >

Có thể tiến hành như sau:

##### *Lần chơi thứ nhất:*

- GV gắn sẵn bốn thẻ dấu trên bảng lớp
 

<              >              >              <
- Mỗi lần bốn HS lên, mỗi HS đứng ở một dấu
 

<              >              >              <



- Mỗi HS nhận hai thẻ chữ số khác nhau.

Theo hiệu lệnh của GV, mỗi bạn **gắn** hai thẻ vào vị trí thích hợp

$$\text{Ví dụ: } 4 < 5 \quad 5 > 1 \quad 3 > 2 \quad 2 < 4$$

- HS dưới lớp **nhận xét**, **cỗ vũ** và **đọc**: 4 bé hơn 5, ...

##### *Lần chơi thứ hai:*

GV gắn sẵn các cặp số trên bảng lớp.

HS dùng thẻ dấu đặt vào vị trí thích hợp.

##### *Lần chơi thứ ba:*

HS dùng hai thẻ chữ số và một thẻ dấu để so sánh số.

#### – Vui học: Cách dùng hai dấu > và <

GV có thể làm như sau:

- GV đưa tay làm miếng cá sấu, HS **làm theo** (GV đứng cùng chiều với HS)



GV giới thiệu, tay trái: dấu bé hơn, tay phải: dấu lớn hơn.

Thực hành: GV nói (bé hơn, lớn hơn) – HS đưa tay

GV đưa tay – HS nói.

- GV đặt tay vào giữa hai số (đã viết trên bảng)

3  5  3

HS nói: “Hà họng bên nào bên đó lớn”.

Thực hành: GV viết sẵn một vài cặp số trên bảng lớp.

HS lên bảng, đặt tay vào giữa từng cặp số.

### 3. Thực hành viết các dấu =, >, <

Với mỗi dấu, GV tiến hành như sau:

- Phân tích các nét, hướng dẫn cách viết.
- HS: Dùng ngón tay **dò** theo các nét ở miệng cá sấu (SGK trang 36).  
Dùng ngón tay **tô khan** trên bảng con.  
Dùng bút/phản **viết** trên bảng con (mỗi dấu ba lần).

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

- Tìm hiểu mẫu, GV có thể tiến hành như sau:  
• Ô bên trái có mầy chàm tròn? (5) – GV viết 5 (bảng lớp).  
Ô bên phải có mầy chàm tròn? (4) – GV viết 4.  
• HS sử dụng bảng con:  
Dùng dấu >, =, < **so sánh** 5 và 4 ( $5 > 4$ ).  
**Đọc:** 5 lớn hơn 4.

GV giúp HS nhận biết: Cần phải viết số chỉ số chàm tròn ở mỗi hình.

So sánh hai số vừa viết.

- GV nhắc HS, khi làm xong một câu, kiểm tra xem có đúng với câu “**Hà họng bên nào bên đó lớn**” không?

### Bài 2:

- Tìm hiểu bài, HS **quan sát** tranh.  
GV giải thích: dùng **các dấu >, =, < so sánh** các cặp số ở mỗi xe.
- Khi sửa bài, GV có thể dùng các hình thức cả lớp đưa bảng để GV kiểm tra, nhận xét hoặc HS trình bày trước lớp.  
HS chơi tiếp sức.
- Mở rộng: giáo dục an toàn giao thông.

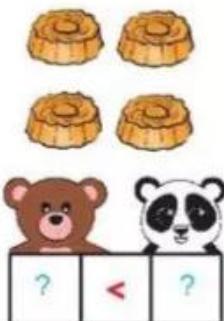
### Bài 3:

- GV cho HS đọc dãy số từ 1 đến 5 và ngược lại  
GV đặt vấn đề: 3 lớn hơn những số nào; những số nào lớn hơn 3.  
– Tìm cách làm  
GV giúp HS **hình dung** trong dãy số từ 1 đến 5, số 3 **dứng sau** số nào để tìm những số bé hơn 3 và ngược lại.  
– HS làm rồi trình bày cách làm. GV khuyến khích nhiều em nói.

## THỦ THÁCH

– Phân tích mẫu:

GV chuẩn bị hình vẽ



- GV đọc yêu cầu của bài: chia bánh cho anh em Gấu.

Gấu nào? (Gấu Xám và Gấu Trúc – mặc dù màu nâu nhưng loại này có tên là Gấu Xám).

GV chỉ tay vào dấu < và hỏi:

Bánh được chia thế nào? (phần bánh của Gấu Xám **ít hơn** Gấu Trúc).

GV giải thích: vì số bánh của Gấu Xám **bé hơn** số bánh của Gấu Trúc.

- GV giúp HS **nhận biết**, cần phải **tách** 4 cái bánh thành hai phần: một phần ít, một phần nhiều.

- HS tự chia, thông báo kết quả.

GV tách 4 cái bánh thành hai nhóm: 1 và 3, viết 1 và 3 vào ô trống.

- Vậy Gấu Xám 1 cái, Gấu Trúc 3 cái.

– HS có thể chia bằng hai cách:

5 gồm 1 và 4

5 gồm 2 và 3.

– Khuyến khích HS  **trình bày, giải thích** (chú ý vào việc giải thích vì sao phần bánh của Gấu Xám **ít hơn** phần bánh của Gấu Trúc).

## CÙNG CỐ

Có thể dùng trò chơi: Ai nhanh hơn?

Ví dụ:

GV gắn lên bảng lốp hai nhóm: 2 khối lập phương và 5 khối hộp chữ nhật.

GV nêu yêu cầu: Dùng các dấu  $>$ ,  $=$ ,  $<$  **so sánh** số khối lập phương và khối hộp chữ nhật.

HS **ghi** ra bảng con:  $2 < 5$  (hoặc  $5 > 2$ ).

GV chọn bảng và khuyến khích HS **nói**:

2 khối lập phương **ít hơn** 5 khối hộp chữ nhật, 2 **bé hơn** 5

hoặc: 5 khối hộp chữ nhật **nhiều hơn** 2 khối lập phương, 5 **lớn hơn** 2.